

Bản án số: 149/2025/DS-PT

Ngày: 27-3-2025

V/v “*Tranh chấp về lối đi qua
bất động sản liền kề*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/02/2025 và ngày 27/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 671/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024, về việc “*Tranh chấp về lối đi qua bất động sản liền kề*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 236/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1952.

1.2. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1958.

1.3. Lê Văn B, sinh năm 1960.

1.4. Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1963.

1.5. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971.

1.6. Trần Thị H1, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số B, đường V, Tổ A, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 24/02/2025, chứng thực ngày 25/02/2025) (Có mặt).

1.7. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

1.8. Võ Thanh P, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

1.9. Võ Văn B1, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T2: Ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số C, đường N, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 02/5/2024, chứng thực ngày 03/5/2024) (Có mặt).

2.2. Ngô Thị Bích D, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường số B, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 1954 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1, ông Võ Thanh P thống nhất trình bày:

Các nguyên đơn là những hộ dân có nhà ở kiên cố và canh tác vườn tại rạch Bà T2 (hiện nay là kênh Thủy lợi), đất của các nguyên đơn không có lối đi ra lộ 30. Từ năm 1987, các nguyên đơn đều đi nhờ trên phần đất của bà S và đi trước cửa nhà ông Đ1.

Năm 2016, các nguyên đơn được bà Đặng Thị S cho 01 cái mương ranh chiều ngang 1,5m, chiều dài 70m một bên giáp đất ông Đ1 và một bên giáp đất bà S, đầu ngang phía sau giáp kênh Thủy lợi. Sau đó các nguyên đơn cùng nhau hùn số tiền 17.095.000 đồng để bơm cát san lấp mương làm lối đi chung, thời điểm này ông Đ1 vẫn đi chung trên lối đi này.

Năm 2018, các nguyên đơn được bà S (có bà D là con ruột) đồng ý cho các nguyên đơn lối đi từ phía trong đến giáp lộ 30 chiều ngang 1,5m, chiều dài khoảng 54m cho đi vĩnh viễn và các nguyên đơn thống nhất đóng trụ đá làm hàng rào căng lưới B40 theo yêu cầu của bên phía bà S (tại biên bản ngày 16/01/2018).

Đến năm 2020, ông Đ1 chuyển nhượng phần đất của ông Đ1 giáp lối đi chung của các nguyên đơn cho ông T2, đến khi ông T2 được đứng tên quyền sử dụng đất thì ông T2 kê khai đứng tên luôn phần lối đi chung của các nguyên đơn thuộc thửa 848 và không cho các nguyên đơn sử dụng lối đi chiều ngang 1,5m, chiều dài 70m. Sau đó ông Đ1 nhiều lần rào chắn, trồng cây ngăn cản không cho các nguyên đơn sử dụng lối đi nêu trên. Các nguyên đơn phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp nên ông Đ1 mới nhổ cây, bỏ rào chắn để các nguyên đơn tiếp tục sử dụng.

Hiện nay, ông T2 cho rằng các nguyên đơn mở lối đi chung thuộc thửa đất số 848 của ông T2 nên ông T2 không cho các nguyên đơn sử dụng lối đi chiều ngang 1,5m, chiều dài 70m mà yêu cầu các nguyên đơn phải mở lối đi khác, các nguyên đơn không đồng ý vì đây là lối đi duy nhất từ trước đến nay sử dụng để làm lối đi vận chuyển hoa màu khi thu hoạch và để di chuyển hàng ngày ra vào lộ 30, ngoài ra không còn lối đi nào khác.

Theo đơn khởi kiện các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau: Yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 để các nguyên đơn tiếp tục sử dụng lối đi ngang 1,5m, chiều dài 70m, diện tích 105m² thuộc một phần thửa số 848, diện tích 500,4m², tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Văn T2 đứng tên quyền sử dụng đất và yêu cầu ông T2 không được rào chắn, cản trở việc sử dụng lối đi chung của các nguyên đơn.

Theo biên bản hòa giải ngày 16/01/2018, bà D thống nhất cho các nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Võ Văn B1 được quyền sử dụng lối đi chiều ngang 1,5m, chiều dài 58m, diện tích khoảng 87m², thuộc một phần thửa 787, 750, 203 cùng tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích đất lối đi các nguyên đơn đã sử dụng từ năm 2016 cho đến nay. Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Võ Văn B1 yêu cầu bà Ngô Thị Bích D phải thực hiện theo biên bản hoà giải ngày 16/01/2018 tặng cho các nguyên đơn lối đi chiều ngang khoảng

1,5m, chiều dài 58m, diện tích khoảng 87m² thuộc một phần thửa 203, diện tích 2.680m², một phần của thửa 787, diện tích 1.416,7m² và một phần của thửa 750, diện tích 183,4m² cùng tờ bản đồ số 12, cùng toạ lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do bà Ngô Thị Bích D đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 yêu cầu mở lối đi có chiều ngang khoảng 1,5m, chiều dài từ kênh Thủy lợi ra đến đường công cộng, diện tích đất thuộc thửa 848, 203, 787, 750 cùng tờ bản đồ số 12, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc M5-M6-M3-M4-M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp và các mốc M1-M2-B-M14-M12-M13-A-M1, theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/6/2024 của Trung tâm K1. Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà D, ông T2 theo giá Hội đồng định giá đã xác định. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì đã có lối đi khác. Ông P đồng ý để các nguyên đơn đi trên lối đi đã có trên diện tích đất của ông P vì ông P cũng phải đi qua diện tích đất của các nguyên đơn để ra đường công cộng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn T2 ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn T3 trình bày:

Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 848, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã M, huyện C có nguồn gốc là của ông Nguyễn Thành Đ1. Năm 2004, ông Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.307m². Năm 2018, ông T2 mua (nhận chuyển nhượng) của ông Đ1 toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 848, tờ bản đồ số 12 với giá 850.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận mua bán đất và các cây trồng trên đất.

Thời điểm ông T2 mua đất của ông Đ1 thì hiện trạng đất đã lên liếp trồng cây, cụ thể là ông Đ1 trồng ổi, xoài, tắc và trên đất đã có lối đi (lối đi bộ) có chiều rộng khoảng 01m, chiều dài hết đất, lối đi giáp đất bà Bích D (con bà S). Khi mua đất ông T2, ông Đ1 không có thỏa thuận lối đi trên đất.

Năm 2021, ông T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, ông T2 đã bơm cát toàn bộ diện tích đất để xây dựng nhà xưởng.

Đối với yêu cầu của các nguyên đơn thì ông T2 không đồng ý vì: Nếu mở lối đi trên đất của ông T2 sẽ gây bất lợi cho ông T2 mục đích của ông T2 mua đất là xây nhà xưởng nếu mở lối đi cấp nhà xưởng sẽ gây sạt lở, kè móng tốn chi phí cao. Việc mở lối đi trên đất của ông T2 là không hợp lý vì nếu mở lối đi trên đất của ông T2 thì phải đi qua diện tích đất của người khác (đất bà Ngô Thị Bích D) mới ra đến đường lộ của Nhà nước nhưng hiện nay bà D không cho các nguyên đơn mở lối đi. Ngoài ra, nếu như các nguyên đơn đi trên lối đi khác, cụ thể lối đi

theo rạch Bà T2 đi qua các phần diện tích đất của các nguyên đơn và ra đến đường Nhà nước thì sẽ thuận lợi hơn.

Nếu mở lối đi trên đất của ông T2 thì ông T2 yêu cầu các nguyên đơn trả giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường hiện nay, cụ thể giá 5.000.000 đồng/m². Ông T2 yêu cầu Tòa án định giá theo giá thị trường. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính thuộc thửa 848, tờ bản đồ số 12, hiện nay ông T2 đang quản lý, không thể chấp, cầm cố cho ai.

Năm 2024, ông T2 nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 12 của bà D. Ông T2 đã trả đủ tiền và nhận đất canh tác, chưa sang tên quyền sử dụng đất vì các nguyên đơn đang tranh chấp. Mục đích ông T2 nhận chuyển nhượng thửa 203 để nhập vào thửa 848 cùng diện tích đất của ông T2 để mở rộng bãi đậu xe. Ông T2 đồng ý bồi thường cho các nguyên đơn số tiền 17.500.000 đồng mà các nguyên đơn đã bơm cát, chở đất làm lối đi trên đất của ông T2. Ông T2 đề nghị các nguyên đơn di dời vật kiến trúc, tài sản trên đất của ông T2.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Bích D thống nhất trình bày:

Diện tích đất thuộc các thửa 203, 787, 750 cùng tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc của cụ Đặng Thị S (mẹ bà D). Khi còn sống thì cụ S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2023, bà D làm thủ tục hưởng thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây, bà D có thỏa thuận cho các nguyên đơn được đi trên diện tích đất của mẹ bà D vì bà D lo sợ các nguyên đơn tranh chấp ra cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bà D không có thời gian đi giải quyết.

Từ năm 2016, các nguyên đơn đi trên diện tích đất của mẹ bà D cho đến nay. Năm 2018, bà D có đồng ý để các nguyên đơn đi trên đất của mẹ bà D. Tuy nhiên, hiện nay bà D có ý định phân chia diện tích đất được cấp cho tất cả các anh, chị, em trong gia đình để xây dựng nhà ở. Diện tích đất thuộc thửa số 203, tờ bản đồ số 12, bà D đã chuyển nhượng cho ông T2, chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận do các nguyên đơn đang tranh chấp tại Tòa án, bà D đã nhận tiền và bàn giao thửa 203 cho ông T2. Khi chuyển nhượng đất cho ông T2, bà D có nghe ông T2 nói nhận chuyển nhượng đất để mở rộng bãi đậu xe tải.

Nay, bà D không thống nhất theo nội dung khởi kiện của các nguyên đơn. Vì hiện nay bà D đã thỏa thuận với chủ đất khác để tạo lối đi khác thuận tiện cho các hộ nguyên đơn đi lại và bà D đồng ý bỏ tiền ra để chịu chi phí bồi thường cho chủ đất mới thay cho các hộ nguyên đơn này. Bà D thống nhất theo nội dung Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2024, Biên bản định giá ngày 28/8/2024 và Sơ đồ đo đạc của Trung tâm K1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà D đang giữ bản chính và không cầm cố, thế chấp cho cơ quan, tổ chức nào.

Hiện nay, bà D đã liên hệ những người liên quan đến đường đi khác để các nguyên đơn mở lối đi khác. Bà D đồng ý hỗ trợ các nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng để các nguyên đơn di dời tài sản trên đất của bà D. Bà D đề nghị các nguyên đơn di dời vật kiến trúc, tài sản trên đất của bà D.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ1 trình bày:

Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 848, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã M, huyện C có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Khúc H2, cụ Trần Thị B2 (cha, mẹ của ông Đ1) để lại cho ông Đ1. Năm 2004, ông Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.307m². Trước đây ông Đ1 làm ruộng, sau đó ông Đ1 lên liếp trồng cây ăn trái cách đây hơn 10 năm. Thời điểm ông Đ1 sử dụng đất thì có ông Võ Văn B1, ông Nguyễn Văn T1 đi nhờ trên đất của ông Đ1, các hộ còn lại đi qua đất ông Sáu T4. Sau đó, do ông Sáu T4 xây dựng công ty nên các hộ còn lại xin đi nhờ trên đất của ông Đ1 cách đây hơn 10 năm. Khi ông Đ1 còn sử dụng đất có thỏa thuận bằng miệng với các hộ dân đi nhờ trên đất nếu ông Đ1 bán (chuyển nhượng) đất cho người khác thì các hộ dân đi nhờ trên đất ông Đ1 phải đi lối đi khác. Thời điểm ông Đ1 sử dụng đất thì lối đi của các hộ dân trên đất có chiều rộng khoảng 1,5m. Việc các hộ dân đi trên đất ông Đ1 là đi nhờ, ông Đ1 không bán diện tích đất lối đi cho các hộ dân trên. Các hộ dân đi trên lối đi của ông Đ1 không có hộ dân nào có đất giáp ranh với đất ông Đ1 mà cách đất của ông Đ1 là con rạch Bà T2 (kênh Thủy lợi).

Năm 2018, ông Đ1 bán lại toàn bộ diện tích đất cho ông T2 với giá 800.000.000 đồng/1.000m², nhưng thực tế các bên ghi số tiền theo hợp đồng chuyển nhượng là 50.000.000 đồng. Khi nhận tiền mua bán đất ông Đ1 có ký biên nhận, nhận tiền cho ông T2. Trước khi bán đất cho ông T2, ông Đ1 có nói với các hộ dân đi trên đất ông Đ1 nếu đồng ý mua theo giá ông T2 thì ông Đ1 đồng ý bán diện tích đất lối đi cho các hộ dân, nhưng các hộ dân đi trên đất ông Đ1 không đồng ý mua vì cho rằng giá đó cao.

Nay, toàn bộ diện tích đất mà các nguyên đơn đang tranh chấp ông Đ1 đã bán cho ông T2, ông T2 đã được cấp quyền sử dụng đất nên ông Đ1 không có quyền và không liên quan gì đến phần đất mà các nguyên đơn đang tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 236/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1 về việc yêu cầu mở lối đi diện tích đất 100,4m² được xác định trong phạm vi các mốc M5-M6-M3-M4-M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2023

của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và diện tích đất 75,3m² được xác định trong phạm vi các mốc M1-M2-B-M14-M12-M13-A-M1, theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/6/2024 của Trung tâm K1, diện tích đất thuộc các thửa 848, 203, 878, 750 cùng tờ bản đồ số 12 do ông Nguyễn Văn T2, bà Ngô Thị Bích D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1 tháo dỡ, di dời các công trình kiến trúc, tài sản trả lại diện tích đất 100,4m² được xác định trong phạm vi các mốc M5-M6-M3-M4-M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và diện tích đất 75,3m² được xác định trong phạm vi các mốc M1-M2-B-M14-M12-M13-A-M1, theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/6/2024 của Trung tâm K1, diện tích đất thuộc các thửa 848, 203, 878, 750 cùng tờ bản đồ số 12 do ông Nguyễn Văn T2, bà Ngô Thị Bích D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1 số tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bà Ngô Thị Bích D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí và chi phí tố tụng khác:

+ Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, ông Võ Văn B1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng bà T, bà H1 đã nộp theo biên lai thu số 0014957 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1, được nhận lại

300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008641 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 875.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Ngô Thị Bích D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn.

+ Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1, ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P phải chịu 12.890.811 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Số tiền 6.890.811 đồng ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1, ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P đã nộp và chi xong. Số tiền 6.000.000 đồng ông T2 đã nộp và chi xong nên ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1, ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P phải nộp để trả lại cho ông T2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 tạo điều kiện mở cho các nguyên đơn một lối đi để đảm bảo thuận tiện di chuyển và thu hoạch hoa màu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Phạm Văn K là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1. Vì hiện nay lối đi các hộ dân đang đi là thuận tiện nhất còn mở lối đi khác phải qua đất của rất nhiều hộ dân nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ lấy ý kiến về mở lối đi mới của hai hộ dân có đất trên lối đi mới. Mặc khác, các hộ dân đi trên lối đi này là người già, có người khuyết tật và trẻ em. Lối đi mới rất xa và không thuận tiện.

- Ông Nguyễn Tấn T3 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Không đồng ý kháng cáo của các nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét

xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, đồng ý mở lối đi khác cặp rạch bà T2 cho các nguyên đơn.

- Bà Ngô Thị Bích D trình bày: Không đồng ý kháng cáo của các nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, bà D cũng đã thỏa thuận với các chủ đất khác về việc mở lối đi mới cho các nguyên đơn và đồng ý hỗ trợ 10.000.000 đồng để các nguyên đơn di dời tài sản trên đất của bà D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thủ tục kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 236/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/3/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp về lối đi qua bất động sản liền kề*” là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc các nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 (gọi tắt là các nguyên đơn) nộp đơn kháng cáo ngày 30/9/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P, ông Võ Văn B1 vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân

sự.

[2] Về nội dung:

Các nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P, ông Võ Văn B1 yêu cầu mở lối đi diện tích đất 100,4m² được xác định trong phạm vi các mốc M5-M6-M3-M4-M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và diện tích đất 75,3m² được xác định trong phạm vi các mốc M1-M2-B-M14-M12-M13-A-M1, theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/6/2024 của Trung tâm K1, diện tích đất thuộc các thửa 848, 203, 878, 750 cùng tờ bản đồ số 12 do ông Nguyễn Văn T2, bà Ngô Thị Bích D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn T2, bà Ngô Thị Bích D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu di dời tài sản, vật kiến trúc trên đất.

Từ đó, đã làm phát sinh tranh chấp về lối đi qua bất động sản liền kề giữa các đương sự được quy định tại Điều 245, Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, tạo điều kiện mở cho các nguyên đơn một lối đi để đảm bảo thuận tiện di chuyển và thu hoạch hoa màu.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Diện tích đất thuộc thửa 848, tờ bản đồ số 12 có nguồn gốc là của hộ ông Nguyễn Thành Đ1 cấp lần đầu năm 2004 tại thửa đất số 204. Năm 2019 hộ ông Đ1 thực hiện thủ tục tách thửa đất số 204 thành thửa 848 và thửa 849. Diện tích đất thuộc các thửa đất số 203, 878, 750, cùng tờ bản đồ số 12 có nguồn gốc là của cụ Đặng Thị S (mẹ bà D).

Các nguyên đơn ở cặp theo rạch (kênh) Bà T2 để ra Quốc lộ C phải qua phần đất của các hộ phía bên kia rạch Bà T2 giáp với Quốc lộ C.

Năm 2016, cụ S thống nhất cho các nguyên đơn bơm cát san lấp con mương trên diện tích đất rộng khoảng 1,5m, chiều dài khoảng 70m từ kênh ra Quốc lộ C làm lối đi chung, trong đó đi qua luôn cả phần đất của ông Đ1 thuộc thửa đất số 848. Xét thấy, việc cụ S thống nhất để các nguyên đơn bơm cát, san lấp trên diện tích đất của ông Đ1 là không phù hợp theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 vì phần đất san lấp đi qua phần đất của ông Đ1 phải hỏi ý kiến ông Đ1 và do ông Đ1 quyết định. Trước năm 2016 các nguyên đơn đi trên lối đi qua đất của ông Sáu T4 và ông H3, chỉ có hộ ông B1 và hộ ông T1 đi lối đi trên phần đất tranh chấp.

Năm 2018, bà D đứng ra thỏa thuận cho các nguyên đơn được quyền sử dụng

lối đi chiều ngang 1,5m, chiều dài 58m, diện tích khoảng 87m², thuộc một phần các thửa đất số 787, 750, 203 theo Biên bản hòa giải ngày 16/01/2018. Nhưng thời điểm này cụ S là người đứng tên quyền sử dụng đất các thửa đất trên nên bà D không có quyền thỏa thuận cho các nguyên đơn được sử dụng làm lối đi.

Năm 2021, ông Đ1 chuyển nhượng thửa đất số 848, diện tích 500,4m², tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm cho ông Nguyễn Văn T2. Năm 2023, cụ S chết bà D nhận thừa kế của cụ S gồm các thửa đất 750 diện tích 183,4m², thửa đất 787 diện tích 1.416,7m², thửa đất 203 diện tích 2.680m², cùng tờ bản đồ số 12. Hiện nay, ông T2 đã chuyển nhượng thửa đất số 203 của bà D, nhưng chưa làm thủ tục được vì ông T2 không cho các nguyên đơn tiếp tục đi qua thửa 848 và thửa 203 nên phát sinh tranh chấp với các nguyên đơn. Mục đích ông T2 nhận chuyển nhượng các thửa đất nêu trên là để nhập các thửa đất và mở rộng bãi đậu xe, xây dựng nhà xưởng, cụ thể hiện nay ông T2 đã tiến hành bơm cát hết toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 848, tờ bản đồ số 12. Khi ông Đ1 chuyển nhượng đất cho ông T2 có hỏi ý kiến các nguyên đơn nếu đồng ý nhận chuyển nhượng diện tích đất lối đi theo giá ông T2 nhận chuyển nhượng thì ông Đ1 đồng ý chuyển nhượng diện tích đất lối đi cho các nguyên đơn, nhưng các nguyên đơn không đồng ý. Mặt khác, nếu chấp nhận yêu cầu mở lối đi của các nguyên đơn thì sẽ chia nhỏ diện tích đất, không đủ điều kiện để ông T2 làm bãi đậu xe, xây dựng nhà xưởng và hiện nay bà D phân chia đất cho các anh, chị, em trong gia đình để xây dựng nhà ở và các công trình khác.

Qua khảo sát vị trí, khu vực yêu cầu mở lối đi ngoài lối đi các nguyên đơn yêu cầu thì các nguyên đơn còn có thể đi ra Quốc lộ C bằng lối đi qua đất của các nguyên đơn, dọc theo rạch Bà T2, cụ thể từ hộ ông Đ qua hộ ông H, hộ bà T, hộ ông P, hộ ông T1, hộ bà H1, hộ ông B qua đất ông Luân E, ông T5, ông P ra Quốc lộ C. Hiện nay, các hộ dân gồm ông Võ Minh L1 Em, ông Võ Minh T5, ông Võ Thanh P đã đồng ý để các hộ dân sống trên rạch Bà T2 sử dụng lối đi hiện nay đã có. Hộ ông T1 và hộ ông P cũng đang đi qua lối đi này nên ông T1 và ông P đã rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T2 và bà D mở lối đi. Ngoài ra, Nhà nước đang lấy ý kiến các hộ dân cấp theo rạch Bà T2 trong đó có các nguyên đơn đề nghị nạo vét rạch Bà T2 khai thông dòng chảy, phục vụ cho bà con sản xuất nông nghiệp và kết hợp mở lối đi chung chạy dọc theo rạch Bà T2 đến ranh tỉnh Tiền Giang – Đồng Tháp để thuận tiện cho các hộ dân di chuyển, vận chuyển hoa màu nông sản...(Biên bản về việc họp dân lấy ý kiến nạo vét rạch Bà T2 ngày 15/11/2024 của UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

Như vậy, ngoài lối đi qua phần đất tranh chấp thì các nguyên đơn còn có lối đi khác để ra Quốc lộ C, đồng thời việc yêu cầu mở đi của các nguyên đơn là vị trí nằm giữa đất không phù hợp, gây khó khăn cho việc sử dụng đất của ông T2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn T2 ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn T3 và bị đơn Ngô Thị Bích D thống nhất mở lối đi khác cặp rạch bà T2 thay lối đi đang tranh chấp và đã thực hiện được một phần nhưng do vụ án chưa được giải quyết nên dừng lại không làm tiếp.

[4] Tại phiên tòa, anh Phạm Văn K là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của anh K là không có đủ căn cứ, đồng thời các nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của ông L, ông H, ông B, ông Đ, bà T, bà H1 không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông L, ông H, ông B, ông Đ do thuộc diện người cao tuổi nên được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 245, Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 236/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P Phong.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1 về việc yêu cầu mở lối đi diện tích đất 100,4m² được xác định trong phạm vi các mốc: M5-M6-M3-M4-M5 theo sơ đồ đo đạc ngày 29/03/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và diện tích đất 75,3m² được xác định trong phạm vi các mốc: M1-M2-B-M14-M12-M13-A-M1, theo sơ đồ đo đạc ngày 27/6/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh K1, diện tích đất thuộc các thửa 848, 203, 878, 750 cùng tờ bản đồ số 12 do ông Nguyễn Văn T2, bà Ngô Thị Bích D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1 tháo dỡ, di dời các công trình kiến trúc, tài sản trả lại diện tích đất 100,4m² được xác định trong phạm vi các mốc: M5-M6-M3-M4-M5 theo sơ đồ đo đạc ngày 29/03/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và diện tích đất 75,3m² được xác định trong phạm vi các mốc: M1-M2-B-M14-M12-M13-A-M1, theo sơ đồ đo đạc ngày 27/6/2024 của Trung tâm K1, diện tích đất thuộc các thửa 848, 203, 878, 750 cùng tờ bản đồ số 12 do ông Nguyễn Văn T2, bà Ngô Thị Bích D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/3/2023, ngày 27/6/2024 và Sơ đồ đo đạc ngày 27/6/2024 của Trung tâm K1).

- Buộc ông Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1 số tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Buộc bà Ngô Thị Bích D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, ông Võ Văn B1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1 phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng bà T, bà H1 đã nộp theo biên lai số: 0014957 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0008641 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 875.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Ngô Thị Bích D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ được miễn án phí phúc thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Thu T và bà Trần Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009104 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1, ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P phải chịu 12.890.811 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Số tiền 6.890.811 đồng ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1, ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P đã nộp và chi xong. Số tiền 6.000.000 đồng ông T2 đã nộp và chi xong nên ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà

Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị H1, ông Võ Văn B1, ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh P phải nộp để trả lại cho ông T2.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng TTKT&THA TAND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Quang Thông